

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2023/DS-ST
Ngày 21-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Tới**
2. Bà **Nguyễn Huỳnh Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hồng Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (H).** Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quốc T** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H chi nhánh C.** Địa chỉ: A - 138B, N, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Minh L** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Phan Thị Ngọc T1** (Có mặt) – Chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng cá nhân – P.

Địa chỉ: Số F - T, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thanh T2**, sinh năm 1998 (Vắng mặt), địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh** trình bày:

Giữa, nguyên đơn và bà Phạm Thanh T2 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2692/22MN/HĐTD ngày 18/01/2022 và Khế ước nhận nợ số 2692/22MN/HĐTDKUNN02 ngày 17/01/2023, theo đó:

Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 18/01/2022 đến ngày 18/01/2027.

Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi thủy sản.

Thẻ tín dụng cấp kèm theo khoản vay: Thẻ tín dụng số 498767*****8212 phát hành ngày 28/02/2022 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 28/02/2022.

Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm:

Là quyền sử dụng đất diện tích 262,9 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1921/12MN/HĐBĐ ngày 18/01/2022.

Dư nợ hiện tại:

Tính đến thời điểm hiện nay, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng bà T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 20/9/2023, tổng số tiền bà T2 còn nợ Ngân hàng là 1.743.767.149 đồng, trong đó:

Gốc: 1.500.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 128.998.719 đồng.

Lãi quá hạn: 3.626.260 đồng.

Dư nợ thẻ tín dụng: 111.142.170 đồng.

Nhận thấy, bà T2 đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết đối với bà T2 như sau:

Buộc bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay tính đến ngày 20/9/2023 là 1.743.767.149 đồng.

Buộc bà T2 còn phải trả lãi cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng sau ngày 20/9/2023 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Trường hợp, bà T2 không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản của bà T2 là quyền sử dụng đất diện tích 262,9 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Hợp đồng thế chấp đã ký, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn bà **Phạm Thanh T2**: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng, bị đơn đã thực hiện không đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do bị đơn không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H.

Buộc bà T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H tiền gốc, lãi tính đến ngày 20/9/2023 là 1.743.767.149 đồng.

Buộc bà T2 còn phải trả lãi cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng sau ngày 20/9/2023 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1921/12MN/HĐBD ngày 18/01/2022, để đảm bảo thi hành án.

Sau khi, bà T2 đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có trách nhiệm giao trả cho bà T2 bản gốc Giấy chứng nhận phát hành số CN 988652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 30/10/2018.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Phạm Thanh T2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn có nơi cư trú tại Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét: Để chứng minh việc bà T2 có vay vốn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là:

Hợp đồng tín dụng số 2692/22MN/HĐTD ngày 18/01/2022 và Khế ước nhận nợ số 2692/22MN/HĐTDKUNN02 ngày 17/01/2023.

Đều có chữ ký của bà T2 ở mục “BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG”, mục “Bên nhận nợ” và các giấy tờ khác có liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T2 biết nhưng bà T2 không có ý kiến phản đối gì.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên cần khẳng định bà T2 đã vay và nhận đủ tiền của Ngân hàng.

Tính đến ngày 20/9/2023, nợ gốc và lãi của bà T2 là 1.743.767.149 đồng (trong đó: Gốc: 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 128.998.719 đồng, lãi quá hạn: 3.626.260 đồng, dư nợ thẻ tín dụng: 111.142.170 đồng).

Việc, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm tại Hợp đồng tín dụng số 2692/22MN/HĐTD ngày 18/01/2022 và Khế ước nhận nợ số 2692/22MN/HĐTDKUNN02 ngày 17/01/2023 các bên ký kết, bà T2 có lỗi, vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật.

Việc, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ và buộc bà T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 20/9/2023 với tổng số tiền 1.743.767.149 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95

Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cần được chấp nhận.

Bà T2 còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng sau ngày 20/9/2023 đến khi bà T2 trả xong số nợ gốc theo quy định tại Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao), là có cơ sở.

Về tài sản thế chấp:

Là quyền sử dụng đất diện tích 262,9 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Phần đất này, bà T2 đã được Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh sang tên bà T2 ngày 08/12/2020 tại Giấy chứng nhận phát hành số CN 988652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 30/10/2018.

Thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1921/12MN/HĐBĐ ngày 18/01/2022 và được Cơ quan có thẩm quyền đăng ký thế chấp ngày 18/01/2022.

Căn cứ các điều 119, 317 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, thì hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với bà T2 được ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng thế chấp tài sản.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1921/12MN/HĐBĐ ngày 18/01/2022 là hợp pháp.

Xử lý tài sản thế chấp:

Theo quy định tại các điều 323, 325 Bộ luật Dân sự năm 2015, do bà T2 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm khi đến hạn (thời điểm đến hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng), vi phạm các cam kết và nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng thế chấp.

Thì, Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 262,9 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (bà T2 đã được Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh sang tên bà T2 ngày 08/12/2020 tại Giấy chứng nhận phát hành số CN 988652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 30/10/2018), như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa hai bên để thanh toán nợ.

Sau khi, bà T2 đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có trách nhiệm giao trả cho bà T2 bản gốc Giấy chứng nhận phát hành số CN 988652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 30/10/2018.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Buộc bà T2 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 64.313.014 đồng (1.743.767.149 đồng = 36.000.000 đồng + 3% (của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng).

Ngân hàng được nhận lại án phí số tiền 30.725.000 đồng tại lai 6838 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các điều 119, 299, 303, 307, 317, 323, 325, 357, 429, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các điều 91, 95, 108 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (H).

Buộc bị đơn bà Phạm Thanh T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (H) tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/9/2023 với tổng số tiền **1.743.767.149** đồng (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo sau ngày 20/9/2023, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của

Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1921/12MN/HĐBĐ ngày 18/01/2022, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (H) với bà Phạm Thanh T2, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 262,9 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (bà T2 đã được Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh sang tên bà T2 ngày 08/12/2020 tại Giấy chứng nhận phát hành số CN 988652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 30/10/2018), để đảm bảo thi hành án.

Sau khi, bà T2 đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (H) có trách nhiệm giao trả cho bà Phạm Thanh T2 bản gốc Giấy chứng nhận phát hành số CN 988652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 30/10/2018.

2/ Về án phí:

Buộc bà Phạm Thanh T2 phải nộp án phí dân sự số tiền 64.313.014 đồng (Sáu mươi bốn triệu, ba trăm mười ba ngàn, không trăm mười bốn đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (H) được nhận lại án phí số tiền 30.725.000 đồng (Ba mươi triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tại lai 6838 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (H) được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Phạm Thanh T2 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang

